

Bản án số: 1237/2024/HC-PT

Ngày: 03-12-2024

“V/v Khiếu kiện quyết định
hành chính trong lĩnh vực đất
đai”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn An

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Khương

Ông Trần Văn Đạt

- Thư ký phiên tòa: bà Đinh Thị Thanh Bình – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: ông Đặng Quốc Hoàng – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 758/2024/TLPT-HC ngày 04 tháng 10 năm 2024 về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực đất đai*”. Do Bản án hành chính sơ thẩm số 86/2024/HC-ST ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 3212/2024/QĐ-PT ngày 05/11/2024 giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1962; Địa chỉ: Số G đường L, Phường D, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của người khởi kiện: ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1985; Địa chỉ: A N, phường R, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; và bà Thái Thị Thùy D, sinh năm 1992; Địa chỉ: Số E đường N, phường N, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (bà D có mặt, ông N có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Người bị kiện:

1. Ủy ban nhân dân thành phố V.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V.

Địa chỉ: Số H đường L, Phường A, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Người đại diện theo pháp luật: ông Hoàng Vũ T – Chủ tịch (có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: ông Cao Văn T1 - Viên chức Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố V (có mặt); bà Nguyễn Thị Phương T2 – Chuyên viên phòng T4 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Trịnh Văn T3, sinh năm 1957 (có đơn xin xét xử vắng mặt).
2. Bà Trịnh Thị Diệu L, sinh năm 1986 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Số G đường L, Phường D, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- *Người kháng cáo:* người khởi kiện bà Nguyễn Thị H.

- *Cơ quan kháng nghị:* Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ngày 31-12-2019, Ủy ban nhân dân (UBND) thành phố V ban hành Quyết định số 7263/QĐ-UBND về việc thu hồi 5.264,30m² đất tại phường T do ông Trịnh Văn T3 - bà Nguyễn Thị H đang sử dụng để thực hiện dự án đầu tư xây dựng Trường tiểu học T5, thành phố V (sau đây gọi tắt là Quyết định 7263/QĐ-UBND).

Cùng ngày 31-12-2019, UBND thành phố V ban hành Quyết định số 7266/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho ông Trịnh Văn T3 – bà Nguyễn Thị H, địa chỉ thu hồi đất: phường T, thành phố V (địa chỉ thường trú: G đường L, Phường D, thành phố V) do Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Trường Tiểu học T5, thành phố V (sau đây gọi tắt là Quyết định 7266/QĐ-UBND), trong đó:

Tại mục A phần 1 Điều 1 của quyết định về bồi thường, hỗ trợ giá trị quyền sử dụng đất: Đất nuôi trồng thủy sản vị trí 1, đường loại 3, diện tích 3.964,4m², giá 5.366.000 đồng/m². Đất nuôi trồng thủy sản vị trí 2, đường loại 3, diện tích 1.299,9m², giá 3.766.000 đồng/m². Tổng số tiền bồi thường về đất là 26.168.393.800 đồng.

Tại mục Đ phần 1 Điều 1 của quyết định về hỗ trợ nhà, vật kiến trúc: Hỗ trợ hàng rào lưới B40, trụ bê tông 17,6m², giá 292.000 đồng/m², thành tiền 5.139.200 đồng; hỗ trợ mái che tôn fibro, nền đất, vách tôn 24m², giá 265.000 đồng/m², thành tiền 6.360.000 đồng.

Bà H không đồng ý với giá đất bồi thường tại Quyết định 7266/QĐ-UBND nên đã làm đơn khiếu nại, yêu cầu được bồi thường đất theo giá thị trường tại thời điểm thu hồi đất. Ngày 22-5-2020, Chủ tịch UBND thành phố V ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 2329/QĐ-UBND (sau đây gọi tắt là Quyết

định 2329/QĐ-UBND) với nội dung bác khiếu nại của bà H, giữ nguyên Quyết định 7266/QĐ-UBND.

Vì vậy, bà H làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy mục A phần 1 Điều 1 của Quyết định 7266/QĐ-UBND.
- Hủy Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu 2329/QĐ-UBND.
- Buộc UBND thành phố V bồi thường giá trị quyền sử dụng đất theo giá thị trường tại thời điểm ban hành quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ bổ sung.
- Buộc UBND thành phố V hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm bằng 1,5 lần giá đất nông nghiệp trên toàn bộ diện tích đất thu hồi 5.264,3m² theo bảng giá đất do UBND tỉnh B quy định.

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, người khởi kiện và người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện cùng trình bày:

Về nguồn gốc đất: đất do ông Phan Tài L1 khai phá và làm đùng nuôi hải sản từ trước năm 1992. Năm 1992, ông L1 có đơn đăng ký tiếp tục sử dụng đất làm đùng nuôi tôm cá, được Ủy ban nhân dân Phường F xác nhận ngày 08-7-1992. Diện tích đất được Ủy ban nhân dân Phường F xác nhận là 06 ha. Ngày 09-8-1993, ông L1 chuyển nhượng lại cho bà H 03 ha để nuôi trồng thủy sản, không có ai tranh chấp.

Quá trình sử dụng đất: Gia đình bà H sử dụng đất vào mục đích nuôi trồng thủy sản để phục vụ cho cuộc sống gia đình và là nguồn thu nhập chủ yếu của gia đình.

UBND thành phố V khi thực hiện dự án đầu tư xây dựng Trường Tiểu học T5 đã thu hồi của ông T3, bà H 5.264,3m², là một phần trong tổng diện tích đất 03 ha đã nhận chuyển nhượng của ông L1 nhưng bồi thường giá đất quá thấp so với giá thực tế của thị trường tại thời điểm thu hồi đất; không hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho gia đình bà H.

Căn cứ khởi kiện: giá đất bồi thường cho ông T3, bà H dựa trên chứng thư thẩm định giá của Công ty TNHH T6 (Công ty T6) nhưng chứng thư này không chính xác và không mang tính khách quan do Công ty Đất Việt định giá đất bằng phương pháp so sánh trực tiếp nhưng so sánh không cùng loại đất, không cùng khu vực và không cùng thời điểm.

Trong gia đình bà H, tại thời điểm thu hồi đất, con gái bà H là Trịnh Thị Diệu L được giao trông coi và có nguồn thu nhập hoàn toàn phụ thuộc vào diện tích đất đùng nuôi thủy sản. Trịnh Thị Diệu L không là đối tượng được hưởng lương, trợ cấp bảo hiểm xã hội hàng tháng. Theo quy định tại khoản 3 Điều 3 Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29-9-2017 của Bộ T7; khoản 2 Điều 2 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 52/2014/QĐ-UBND ngày 31-10-

2014 của UBND tỉnh B thì hộ gia đình bà H thuộc trường hợp được hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm khi nhà nước thu hồi đất.

Do vậy, bà H khởi kiện đề bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của gia đình mình.

Ý kiến của người bị kiện:

Người bị kiện thống nhất với trình bày của người khởi kiện về nguồn gốc và quá trình sử dụng đối với diện tích đất bị thu hồi.

Ngày 06-3-2019, UBND thành phố V ban hành Thông báo số 929/TB-UBND về việc thu hồi đất của ông T3, bà H đang sử dụng để thực hiện dự án Trường tiểu học phường T5, thành phố V.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 74 của Luật Đất đai năm 2013 quy định nguyên tắc bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất như sau: “*Việc bồi thường được thực hiện bằng việc giao đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi, nếu không có đất để bồi thường thì được bồi thường bằng tiền theo giá đất cụ thể của loại đất thu hồi do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định tại thời điểm quyết định thu hồi đất*”.

Ngày 16-10-2019, UBND tỉnh B ban hành Quyết định số 2753/QĐ-UBND về việc phê duyệt giá đất cụ thể để bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Trường tiểu học T5 tại phường T, thành phố V (Quyết định 2753/QĐ-UBND).

Ngày 31-12-2019, UBND thành phố V ban hành Quyết định số 7263/QĐ-UBND về việc thu hồi 5.264,3m² đất tại phường T của ông T3, bà H và Quyết định số 7266/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho ông T3, bà H.

Quyết định 7266/QĐ-UBND đã áp giá theo đúng Quyết định 2753/QĐ-UBND. Do đó, bà H yêu cầu tuyên hủy mục A phần 1 Điều 1 của Quyết định 7266/QĐ-UBND, hủy Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu 2329/QĐ-UBND và xem xét lại đơn giá bồi thường cho phù hợp với thực tế thị trường tại thời điểm ban hành quyết định phê duyệt bồi thường, hỗ trợ bổ sung là không có cơ sở.

Về yêu cầu hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Theo kết quả xác minh của UBND phường T tại Văn bản số 374/UBND-ĐC ngày 05-6-2019 và Văn bản số 647/UBND-ĐC ngày 16-7-2019 thì hộ gia đình bà H đang canh tác làm đùng nuôi hải sản. Ngày 22-8-2019, U, nơi bà H đăng ký thường trú có Văn bản số 309/UBND-ĐC xác nhận bà H là đối tượng trực tiếp sản xuất nông nghiệp, có nguồn thu nhập ổn định từ sản xuất nông nghiệp.

Tuy nhiên, bà H và ông T3 là công chức đã nghỉ hưu nên theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Thông tư 37/3014/TT-BTNMT ngày 30-6-2014 của Bộ T7 thì gia đình bà H không đủ điều kiện được hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm khi Nhà nước thu hồi đất. Do bà H và ông T3 không được hỗ trợ đào

tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm nên trong quyết định Quyết định 7266/QĐ-UBND, UBND thành phố V không đề cập đến nội dung này.

Vì vậy, người bị kiện đề nghị Tòa án bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà H.

Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- *Ý kiến ông* Trịnh Văn T3: ông T3 là chồng bà H. Ông T3 thống nhất với ý kiến và yêu cầu khởi kiện của bà H.

- *Ý kiến bà* Trịnh Thị Diệu L: bà L là con của ông T3 và bà H. Bà L thống nhất với ý kiến và yêu cầu khởi kiện của bà H.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 33/2021/HC-ST ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đã tuyên xử:

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H về việc:

- Hủy mục A phần 1 Điều 1 Quyết định số 7266/QĐ-UBND ngày 31-12-2019 của Ủy ban nhân dân thành phố V về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho ông (bà) Trịnh Văn T3 - Nguyễn Thị H.

- Hủy Quyết định số 2329/QĐ-UBND ngày 22-5-2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của bà Nguyễn Thị H.

- Buộc Ủy ban nhân dân thành phố V bồi thường đất theo giá thực tế thị trường tại thời điểm ban hành quyết định phê duyệt bồi thường, hỗ trợ bổ sung.

- Buộc Ủy ban nhân dân thành phố V hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm bằng 1,5 lần giá đất nông nghiệp trên toàn bộ diện tích đất thu hồi 5.264,3 m² theo bảng giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh B quy định.

Không đồng ý với Bản án hành chính sơ thẩm số 33/2021/HC-ST, bà H kháng cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà H rút yêu cầu khởi kiện đối với nội dung: Hủy mục A phần 1 Điều 1 Quyết định số 7266/QĐ-UBND ngày 31-12-2019 của Ủy ban nhân dân thành phố V về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho ông Trịnh Văn T3 - bà Nguyễn Thị H. Hủy Quyết định số 2329/QĐ-UBND ngày 22-5-2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của bà Nguyễn Thị H. Buộc Ủy ban nhân dân thành phố V bồi thường đất theo giá thực tế thị trường tại thời điểm ban hành quyết định phê duyệt bồi thường, hỗ trợ bổ sung. Giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đối với nội dung: Buộc Ủy ban nhân dân thành phố V hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm bằng 1,5 lần giá đất nông nghiệp trên toàn bộ diện tích đất thu hồi 5.264,3m² theo bảng giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh B quy định.

Tại Bản án hành chính phúc thẩm số 192/2023/HC-PT ngày 28 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:

Chấp nhận kháng cáo và sự thay đổi kháng cáo của bà H:

- Hủy Bản án số 33/2021/HC-ST và đình chỉ giải quyết vụ án về phần giải quyết những yêu cầu khởi kiện sau:

Hủy mục A phần 1 Điều 1 Quyết định số 7266/QĐ-UBND ngày 31-12-2019 của Ủy ban nhân dân thành phố V về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho ông Trịnh Văn T3 - bà Nguyễn Thị H.

Hủy Quyết định số 2329/QĐ-UBND ngày 22-5-2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của bà Nguyễn Thị H.

Buộc Ủy ban nhân dân thành phố V bồi thường đất theo giá thực tế thị trường tại thời điểm ban hành quyết định phê duyệt bồi thường, hỗ trợ bổ sung.

- Hủy Bản án sơ thẩm số 33/2021/HC-ST và giao hồ sơ về Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu giải quyết lại về yêu cầu khởi kiện sau đây của bà H:

Buộc Ủy ban nhân dân thành phố V hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm bằng 1,5 lần giá đất nông nghiệp trên toàn bộ diện tích đất thu hồi 5.264,3m² theo bảng giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh B quy định.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 33/2024/HC-ST ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đã tuyên xử:

Căn cứ điểm h khoản 1 Điều 143 Luật Tố tụng Hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H về việc:

Buộc Ủy ban nhân dân thành phố V hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm bằng 1,5 lần giá đất nông nghiệp trên toàn bộ diện tích đất thu hồi 5.264,3 m² theo bảng giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh B quy định.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm,

- Ngày 13/8/2023, người khởi kiện bà Nguyễn Thị H có đơn kháng cáo, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án hành chính sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H.

- Ngày 13/8/2024, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu ban hành Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 638/QĐ-VKS-HC, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án hành chính sơ thẩm, giao hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm để giải quyết theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa, người khởi kiện thay đổi yêu cầu kháng cáo, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ cho Tòa án sơ thẩm giải quyết lại theo quy định; đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh giữ nguyên quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện bà Thái Thị Thùy D trình bày: Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Sau khi thụ lý giải

quyết vụ án theo yêu cầu của người khởi kiện là đúng thẩm quyền và đối tượng khởi kiện là hành vi hành chính, lẽ ra Tòa án cấp sơ thẩm phải giải quyết chấp nhận hoặc không chấp nhận yêu cầu khởi kiện, nhưng bản án sơ thẩm lại quyết định đình chỉ giải quyết vụ án là trái pháp luật, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ cho Tòa án tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu giải quyết theo thủ tục.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện ông Cao Văn T1 trình bày: đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử, Tòa án đã tiến hành đúng quy định của pháp luật; tại phiên tòa, người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định pháp luật tố tụng hành chính.

Về nội dung vụ án: việc Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ giải quyết vụ án là không đúng quy định pháp luật vì bà H khởi kiện yêu cầu giải quyết buộc Ủy ban thực hiện hành vi hành chính, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ, không giải quyết vụ án là ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà H. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo và kháng nghị, tuyên hủy bản án sơ thẩm và giao hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết vụ án theo yêu cầu khởi kiện của đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của người khởi kiện bà Nguyễn Thị H và Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu còn trong hạn luật định và hợp lệ nên được Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[1.2] Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện hợp pháp của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ Điều 225 Luật tố tụng hành chính, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định.

[2] Xét kháng cáo của người khởi kiện bà Nguyễn Thị H và Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, thấy rằng:

[2.1] Về hình thức: Tòa án cấp sơ thẩm mở phiên tòa xét xử vụ án vào ngày 30/7/2024, nhưng ban hành bản án để quyết định đình chỉ giải quyết vụ án là không đúng quy định; mà phải ban hành Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án

hành chính theo mẫu số 14-HC (ban hành kèm theo Nghị quyết số 02/2017/NQ-HĐTP ngày 13/01/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao).

[2.2] Về nội dung:

Tại phần nhận định của Bản án hành chính sơ thẩm số 86/2024/HC-ST ngày 30/7/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu có nội dung: Hành vi hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với việc thu hồi 5.264,3m² đất của gia đình bà H là hành vi hành chính của UBND thành phố V. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng: “UBND thành phố V chưa xem xét chấp thuận hay không chấp thuận (theo Bản án phúc thẩm số 192/2023/HC-PT ngày 28/3/2023 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh nhận định) **nên chưa có hành vi hành chính xảy ra.** Bà Nguyễn Thị H khởi kiện buộc UBND thành phố thực hiện hành vi hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với việc thu hồi 5.264,3m² đất của gia đình bà H. Đây là trường hợp đơn khởi kiện không tóm tắt diễn biến của hành vi hành chính theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 118 Luật tố tụng hành chính. Tòa án phải trả lại đơn khởi kiện, trường hợp đã thụ lý phải đình chỉ vụ án” để quyết định đình chỉ vụ án đối với yêu cầu khởi kiện của bà H là không đúng pháp luật, bởi lẽ:

Tại phần quyết định của Bản án hành chính phúc thẩm số 192/2023/HC-PT ngày 28/3/2023 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định: “Hủy bản án sơ thẩm và giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu để giải quyết lại về yêu cầu khởi kiện của bà H: buộc UBND thành phố V hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm bằng 1,5 lần giá đất nông nghiệp trên toàn bộ diện tích đất bị thu hồi 5.264,3m² theo bảng giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh B quy định”.

Khoản 3 Điều 3 Luật Tố tụng hành chính năm 2015 quy định: “Hành vi hành chính là hành vi của cơ quan hành chính Nhà nước hoặc của người có thẩm quyền trong cơ quan hành chính Nhà nước hoặc cơ quan, tổ chức được giao thực hiện quản lý hành chính Nhà nước thực hiện hoặc không thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định của pháp luật”.

Khoản 4 Điều 3 Luật tố tụng hành chính quy định: “Hành vi hành chính bị kiện là hành vi quy định tại khoản 3 Điều này mà hành vi đó làm ảnh hưởng đến việc thực hiện quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân”.

Từ nhận định trên xét thấy, bà Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu buộc UBND thành phố V hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm trong việc thu hồi đất của gia đình bà, đây là yêu cầu buộc UBND thành phố V thực hiện nhiệm vụ, công vụ (thực hiện hành vi hành chính). Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét giải quyết mà tuyên đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H là không đúng quy định của pháp luật, vi phạm nghiêm trọng tố tụng. Do đó, xét kháng cáo của bà H và Quyết định kháng nghị của Viện trưởng viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Án phí hành chính phúc thẩm: do kháng cáo được chấp nhận nên bà Nguyễn Thị H không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 điều 241 Luật Tố tụng hành chính năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện bà Nguyễn Thị H; chấp nhận Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 638/QĐ-VKS-HC ngày 13/8/2024 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; hủy Bản án hành chính sơ thẩm số 86/2024/HC-ST ngày 30 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, giao hồ sơ về Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu giải quyết lại về yêu cầu khởi kiện sau đây của bà H:

Buộc Ủy ban nhân dân thành phố V hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm bằng 1,5 lần giá đất nông nghiệp trên toàn bộ diện tích đất thu hồi 5.264,3m² theo bảng giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh B quy định.

2. Án phí hành chính phúc thẩm: người khởi kiện bà Nguyễn Thị H không phải chịu.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Khương

Trần Văn Đạt

Lê Văn An